

Số: 731/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH H**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 770/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Đắc M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 27 kiệt 17 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh H.

2. Chị Nguyễn Thu N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 02 kiệt 71 đường Nguyễn H, phường V, thành phố H, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh H vào ngày 10/11/2006. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở địa chỉ số 64/82 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Nay anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N xác định tình cảm không còn, nên cùng gửi đơn đến yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N xác nhận có vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ân N, sinh ngày 10/3/2007 và cháu Nguyễn Ân N, sinh ngày 13/6/2011. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị Nguyễn Thu N và có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị Nguyễn Thu N. Nay thuận tình ly hôn anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N thỏa thuận như sau: Giao các cháu Nguyễn Ân N và Nguyễn Ân N cho chị Nguyễn Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Nguyễn Ân N và Nguyễn Ân N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đắc M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho các cháu Nguyễn Ân N, sinh ngày 10/3/2007 và Nguyễn Ân N, sinh ngày 13/6/2011 mỗi tháng, mỗi cháu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 12/2022 cho đến khi các cháu Nguyễn Ân N và Nguyễn Ân N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tài sản chung; Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N xác nhận vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ân N, sinh ngày 10/3/2007 và Nguyễn Ân N, sinh ngày 13/6/2011 cho chị Nguyễn Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Nguyễn Ân N và Nguyễn Ân N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đắc M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho các cháu Nguyễn Ân N, sinh ngày 10/3/2007 và Nguyễn Ân N, sinh ngày

13/6/2011 mỗi tháng, mỗi cháu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 12/2022 cho đến khi các cháu Nguyễn Ân N và Nguyễn Ân N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung; Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Đắc M và chị Nguyễn Thu N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004678 ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh H. Anh Nguyễn Đắc M, chị Nguyễn Thu N đã nộp đủ lệ phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Võ Dạ, thành phố H (Anh M, chị N ĐKKH số: 105 ngày 10/11/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn